

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N C
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2018/HNGĐ - ST**
Ngày 28-9-2018
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N C, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Trí
2. Bà Lê Thị Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2018/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 về ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Th T, huyện N C, Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Th T, huyện N C, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lê Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới ngày 20/6/1991 tại xã Th, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng ông không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, vợ chồng không hòa hợp được trong suy nghĩ, cách sống. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra ông đã cố gắng giàn xếp nhưng vẫn không thể hòa hợp được. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, ông không còn tình cảm với bà Hà. Vì vậy ông xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Tại Bản tự khai ngày 28 tháng 8 năm 2018, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Đ xây dựng gia đình tự nguyện, có tổ chức cưới ngày 20/6/1991 tại thôn Th, xã Th T, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ đi làm ăn trong miền Nam có tình cảm với người phụ nữ khác. Mặc dù bà đã khuyên ông rất nhiều lần nhưng ông không nghe. Ông Đ tỏ ra lạnh nhạt, không quan tâm gì đến bà. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 đến nay, hiện tại bà không có thai nghén gì. Bà xác định vẫn còn tình cảm với ông Đ nhưng nếu ông Đ nhất quyết ly hôn thì bà cũng đồng ý.

Về con chung: Ông Đ và bà H thống nhất trình bày: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị L, sinh ngày 10/8/1992, Lê Thị H, sinh ngày: 10/8/1996 và Lê Thị Thùy Tr, sinh ngày: 26/6/2009. Hiện nay cháu L và cháu H đã thành niên, đã xây dựng gia đình và đủ khả năng lao động. Cháu Tr đang ở với bà H.

Hai bên thống nhất thỏa thuận phân chia trách nhiệm nuôi con như sau:

Bà H là người trực tiếp nuôi con chung. Ông Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ tháng 10 năm 2018 đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản, nợ chung: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 29/8/2018 hai bên nộp cho Tòa án văn bản thỏa thuận về phân chia tài sản, đề nghị Tòa án ghi nhận trong biên bản hòa giải và bản án như sau:

Phần tài sản của bà H được quyền sở hữu và sử dụng gồm: 01 nhà mái bằng 80m² xây trên diện tích đất ở 75m² tại tờ bản đồ số 03 thửa số 234 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O985989 cấp ngày 10/10/1999 mang tên bà Bùi Thị N (ông Đ và bà H mua lại của bà N nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng).

Phần tài sản của ông Đ được quyền sử dụng: 01 thửa đất ở số 475 tờ bản đồ số 01 diện tích đất ở 93m² tại thôn Đ, xã C L, huyện N C. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE141625 cấp ngày 30/5/2012 mang tên ông Lê Văn Đ.

Ngoài tài sản trên hai bên không thỏa thuận thêm bất kỳ tài sản nào khác.

Về công nợ chung: Ông Đ và bà H thống nhất trình bày: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 49 và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ Điều 14, 15, 16, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 điều 228, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 3 Nghị quyết 35/QH khoá X và Nghị quyết 02/2000 ngày 23 tháng 12 năm 2000 của HĐTP-TANDTC. Đề nghị HĐXX Không công nhận ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng. Về con chung: Cháu Lê Thị L, sinh ngày 10/8/1992, Lê Thị H, sinh ngày 10/8/1996 đã thành niên. Ghi nhận thỏa thuận bà Hà là người trực tiếp nuôi con Lê Thị Thùy Tr, sinh ngày 26/6/2009. Ông Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ tháng 10 năm 2018 đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Ghi nhận sự thỏa thuận về tài sản chung giữa ông Đ và bà H. Ông Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện N C thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của ông Đ và bà H là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Đ và bà H có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

{2} Về nội dung:

2.1. Hôn nhân giữa ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị H xây dựng hạnh phúc gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức c- ới hỏi nh- ng không có đăng ký kết hôn. Trên thực tế hai bên là vợ chồng, nh- ng theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà H là ch- a hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, vợ chồng không hòa hợp được trong suy nghĩ, cách sống và thiếu niềm tin về lòng chung thủy. Từ nguyên nhân trên dẫn đến cuộc sống chung không

có hạnh phúc. Hai bên sống ly thân từ tháng 9/2017 đến nay và không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, kéo dài. Tình cảm hai bên không còn. Nếu căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân - Gia đình năm 2014 thì cho hai bên ly hôn là phù hợp. Tuy nhiên, ông Đ và bà H không có đăng ký kết hôn, do vậy căn cứ điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 3 Nghị quyết 35/QH khoá X và Nghị quyết 02/2000 ngày 23 tháng 12 năm 2000 của HĐTP-TANDTC để tuyên bố ông Đ và bà H không phải là vợ chồng.

2.2. Về con: Xác nhận ông Đ và bà H có 03 con chung. Cháu Lê Thị L, sinh ngày 10/8/1992, Lê Thị H, sinh ngày 10/8/1996 đã thành niên. Hai bên thỏa thuận bà H là người trực tiếp nuôi con Lê Thị Thùy Tr, sinh ngày 26/6/2009. Ông Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ tháng 10 năm 2018 đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Xét thấy việc thỏa thuận phân chia trách nhiệm nuôi con của hai bên là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

2.3. Về tài sản và nợ chung: Hai bên thỏa thuận về phân chia tài sản, đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án như sau: Phần tài sản của bà H được quyền sở hữu và sử dụng gồm: 01 nhà mái bằng 80m² ; 01 thửa đất số 234 tại tờ bản đồ số 03 có diện tích đất ở 75m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O985989 cấp ngày 10/10/1999 mang tên bà Bùi Thị N (ông Đ và bà H mua lại của bà N nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng). Phần tài sản của ông Đ được quyền sử dụng: 01 thửa đất ở số 475 tờ bản đồ số 01 diện tích đất ở 93m² tại thôn Đ, xã C L, huyện N C. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE141625 cấp ngày 30/5/2012 mang tên ông Lê Văn Đ.

Đây là sự thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện của hai bên, sự thỏa thuận hợp pháp nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận này.

Công nợ chung: Không có nên HĐXX không xem xét.

2.4. Về án phí: Ông Đ khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí cấp dưỡng. Các đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên không phải chịu án phí phân chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH khoá X; Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 23/12/2000; các Điều 14, 15, 16, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 điều 228, khoản 4 Điều 147, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a, d khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiểu mục 1.1, mục 1 phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

-Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận ông Đ và bà H có 03 con chung. Cháu Lê Thị L, sinh ngày 10/8/1992, Lê Thị H, sinh ngày 10/8/1996 đã thành niên. Ghi nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung như sau: Bà H trực tiếp nuôi con Lê Thị Thùy Tr, sinh ngày 26/6/2009. Ông Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ tháng 10 năm 2018 đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3 Về tài sản và nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung như sau:

Phần tài sản của bà H được quyền sở hữu và sử dụng gồm: 01 nhà mái bằng 80m² ; 01 thửa đất số 234 tại tờ bản đồ số 03 có diện tích đất ở 75m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O985989 cấp ngày 10/10/1999 mang tên bà Bùi Thị N. Bà H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai để làm thủ tục chuyển nhượng theo đúng quy định của pháp luật.

Phần tài sản của ông Đ được quyền sử dụng: 01 thửa đất ở số 475 tờ bản đồ số 01 diện tích đất ở 93m² tại thôn Đ, xã C L, huyện N C. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE141625 cấp ngày 30/5/2012 mang tên ông Lê Văn Đ.

4. Về án phí: Ông Lê Văn Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N C, theo biên lai thu số AA/2015/0006738 ngày 21/8/2018, chấp nhận ông Đ đã nộp đủ tiền án phí ly hôn. Án phí cấp dưỡng ông Đ phải chịu 300.000đ.

5. Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho ông Đ và bà H trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện N C
- Ủy ban nhân dân xã Th T;
- Lưu: HS, VP, Thảo (11).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Phạm Hữu Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Trí

Lê Thị Dân

Phạm Hữu Thắng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Ủy ban nhân dân xã Công Chính;
- Lưu: HS, VP, Ha (11).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46** /2018/HNGĐ - ST
Ngày 14-9-2018
V/v Ly hôn giữa chị Hường và anh Tâm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Nhất
2. Ông Lê Đức Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2018/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 về ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hường, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân Kỳ, xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Trịnh Duy Tâm, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân Kỳ, xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Hương trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trịnh Duy Tâm xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Công Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 09 tháng 01 năm 2004. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: Anh Tâm nghiện ma túy, dẫn đến gia đình nợ nần, khó khăn. Gia đình đã gửi anh Tâm đi cai nghiện tự nguyện 1 lần và cai nghiện bắt buộc 1 lần, nhưng đến nay anh Tâm không cai nghiện được, mà chuyển sang sử dụng ma túy đá. Khi con nghiện lên anh Tâm thường xuyên hành hung, đánh đập vợ con. Chị cảm thấy chung sống với anh Tâm không đảm bảo về sức khỏe và tính mạng cho chị và con. Tình cảm giữa chị và anh Tâm không còn nữa. Chị và anh Tâm sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ ngày 29/4/2018 (âm lịch) đến nay. Hiện nay chị Hương không có thai nghén. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Hương xin được ly hôn với anh Tâm.

Về con: Chị Hương và anh Tâm có 2 con chung là Trịnh Thế Hùng, sinh ngày 15/10/2004 và Trịnh Duy Phước Thiện, sinh ngày 26/6/2012. Hiện nay 2 cháu đang ở với chị Hương. Nguyên vọng của chị Hương xin được nuôi 2 con và không yêu cầu anh Tâm cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị Hương làm nghề uốn tóc nam nữ thu nhập trung bình 10.000.000đ/1tháng.

Về tài sản và nợ chung: Chị Hương không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 27 tháng 6 năm 2018, bị đơn anh Trịnh Duy Tâm trình bày: Quá trình kết hôn và đăng ký kết hôn anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị Hương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 6/2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: Vợ chồng không hợp nhau về tính cách, xảy ra nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn khác là do việc chăm sóc con cái và do anh sử dụng ma túy từ năm túy. Vì những nguyên nhân trên nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh đã đánh chị Hương nhiều lần vì do chị Hương nói sai. Chị Hương 4 lần viết đơn xin ly hôn nhưng anh không đồng ý. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 29/4/2018 (Âm lịch) đến nay và mang hai con đi theo. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Chị Hương làm đơn ly hôn anh không nhất trí, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con: Vợ chồng có 2 con chung như chị Hương trình bày. Nguyên vọng của anh Tâm thống nhất để chị Hương nuôi 2 con và không cấp dưỡng nuôi con. Sau nay anh sẽ để lại nhà cho con. Hiện nay anh Tâm làm nghề xây dựng, thu nhập trung bình 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản, nợ chung: Anh Tâm không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Tâm vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Hương vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 49 và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 điều 228, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Hương được ly hôn anh Trịnh Duy Tâm. Về con chung: Giao cho chị Hương trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, ghi nhận chị Hương không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản: Chị Hương và anh Tâm không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Hương phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{ 1} Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nông Cống thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của chị Hương và anh Tâm là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Tâm có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

{2} Về nội dung:

2.1. Hôn nhân giữa chị Lê Thị Hương và anh Trịnh Duy Tâm dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tâm nghiện ma túy đá nên thường xuyên hành hung, đánh đập vợ con. Do nghiện ma túy đã lâu nên đã tiêu tốn tài sản làm cho gia đình lâm vào cảnh nợ nần túng thiếu. Vì nguyên nhân trên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau gây không khí căng thẳng cho gia đình.

Đánh giá mâu thuẫn và thực trạng cuộc sống vợ chồng: Chị Hương và anh Tâm đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Hương và anh Tâm mâu thuẫn đã trầm trọng. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Anh Tâm không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí để níu kéo hạnh phúc. Không từ bỏ ma túy để làm ăn xây dựng cuộc sống chung, mà cứ phó mặc cho mình chị Hương nuôi con. Điều đó chứng tỏ anh Tâm không muốn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, đời sống chung không còn tồn tại. Hai bên

không còn quan tâm đến nhau. Tình cảm vợ chồng đã hết. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

2.2. Về con: Xác nhận chị Hương và anh Tâm có 02 con chung. Hiện nay con đang ở với chị Hương. Tại biên bản hòa giải chị Hương và anh Tâm thống nhất thỏa thuận chị Hương trực tiếp nuôi hai con. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Hương không yêu cầu. Xét thấy việc thỏa thuận phân chia trách nhiệm nuôi con của hai bên là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

2.3. Về tài sản và nợ chung: Chị Hương và anh Tâm không yêu cầu giải quyết nên không xét.

2. 4. Về án phí: Chị Hương khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiểu mục 1.1, mục 1 phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

- Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Hương được ly hôn anh Trịnh Duy Tâm.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Hương và anh Tâm về nuôi con chung như sau: Chị Hương trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung là Trịnh Thế Hùng, sinh ngày 15/10/2004 và Trịnh Duy Phước Thiện, sinh ngày 26/6/2012. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Hương không yêu cầu.

Anh Tâm có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3 Về tài sản và nợ chung: Chị Hương và anh Tâm không yêu cầu nên không xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Hương phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, theo biên lai thu số AA/2015/0006655 ngày 21/5/2018, chấp nhận chị Hương đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị Hương trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Tâm vắng mặt, thời hạn kháng cáo

bản án là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Nhất

Lê Đức Thuận

Phạm Hữu Thắng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Ủy ban nhân dân xã Công Chính;
- Lưu: HS, VP, Ha (11).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nông Cống, ngày 16 tháng 8 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 15 phút ngày 16 tháng 8 năm 2018.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lợi
Ông Nguyễn Ngọc Tiến

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 102/2018/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Hương, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân Kỳ, xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

2. *Bị đơn*: Anh Trịnh Duy Tâm, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân Kỳ, xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Về tố tụng: Anh Tâm đã được Toà án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX quyết định hoãn phiên tòa. Thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa Tòa án sẽ ấn định sau.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 = 100%.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 8 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lợi

Nguyễn Ngọc Tiến

Phạm Hữu Thắng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nông Cống, ngày 16 tháng 8 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 16 tháng 8 năm 2018.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lợi
Ông Nguyễn Ngọc Tiến

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 102/2018/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Hương, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân Kỳ, xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

2. *Bị đơn*: Anh Trịnh Duy Tâm, sinh năm 1982 (**có mặt**)

Địa chỉ: Thôn Tân Kỳ, xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

- Về quan hệ pháp luật: Hôn nhân giữa chị Hương và anh Tâm có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá tình trạng mâu thuẫn: Mâu thuẫn 2 bên đã trầm trọng, cuộc sống chung đã chấm dứt, không ai quan tâm ai nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Hương được ly hôn anh Tâm là phù hợp.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 = 100%.

- Về con: Chị Hương và anh Tâm có 02 con chung là Trịnh Thế Hùng, sinh ngày 15/10/2004 và Trịnh Duy Phước Thiện, sinh ngày 26/6/2012. Giao chị Hương trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 2 con chung. Chị Hương không yêu cầu anh Tâm cấp dưỡng nuôi con. Anh Tâm có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 = 100%.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Hương và anh Tâm không có tài sản và nợ chung nên không xét.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 = 100%.

- Về án phí: Chị Hương phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 = 100%.

- Quyền kháng cáo: Chị Hương có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tâm có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 = 100%.

- Áp dụng điều luật: Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147,

Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 = 100%.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ..... phút, ngày 16 tháng 8 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lợi Nguyễn Ngọc Tiến

Phạm Hữu Thắng